

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 LẦN 1 - NĂM 2026

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B1806555	Nguyễn Tuyết Như	03/04/2000	N	Hóa dược	
2	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2110391	Nguyễn Thái Bảo	30/12/2003		Hóa dược	
3	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2110393	Tăng Huỳnh Chi	30/03/2003	N	Hóa dược	
4	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204288	Nguyễn Hồng Kim Anh	28/11/2004	N	Hóa dược	
5	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204291	Nguyễn Hoài Khả Ái	16/11/2004	N	Hóa dược	
6	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204292	Lê Kim Chơn	05/12/2004	N	Hóa dược	
7	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204298	Nguyễn Châu Huỳnh	21/04/2004	N	Hóa dược	
8	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204310	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	12/03/2004	N	Hóa dược	
9	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204313	Đỗ Hoàng Phi	29/07/2004		Hóa dược	
10	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204315	Lê Nguyễn Hồng Phước	21/02/2004	N	Hóa dược	
11	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204317	Nguyễn Tấn Tài	20/04/2004		Hóa dược	
12	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204323	Nguyễn Ngọc Anh Thư	05/10/2004	N	Hóa dược	
13	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204339	Đỗ Lý Ngọc Dung	21/09/2004	N	Hóa dược	
14	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204343	Nguyễn Nhựt Khang	25/10/2003		Hóa dược	
15	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204344	Phương Nhựt Khanh	15/01/2004		Hóa dược	
16	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204346	Nguyễn Thị Trúc Lam	10/02/2004	N	Hóa dược	
17	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204347	Trần Thị Ngọc Linh	03/04/2004	N	Hóa dược	
18	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204349	Nguyễn Gia Mẫn	01/08/2004	N	Hóa dược	
19	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204355	Ngô Lạc Ngữ	01/06/2004		Hóa dược	
20	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204357	Ngô Tấn Phát	31/01/2004		Hóa dược	
21	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204358	Nguyễn Tiến Phong	28/04/2004		Hóa dược	
22	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204367	Huỳnh Anh Thư	10/04/2004	N	Hóa dược	
23	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204371	Nguyễn Phạm Dũng Trí	03/02/2004		Hóa dược	
24	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2204374	Lý Quốc Vinh	22/01/2004		Hóa dược	
25	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2003035	Nguyễn Kim Xuyên	05/04/2002	N	Hóa học	
26	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2102482	Huỳnh Ngọc Hiền	12/03/2003		Hóa học	
27	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2102512	Nguyễn Minh Thanh	04/04/2003		Hóa học	
28	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2107111	Nguyễn Hiếu Lễ	04/04/2003		Hóa học	
29	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2109423	Nguyễn Phạm Minh Thảo	12/12/2003	N	Hóa học	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
30	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2109448	Trần Bảo Ngọc	21/06/2002	N	Hóa học	
31	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2202533	Lê Hoàng Minh Giàu	05/11/2004	N	Hóa học	
32	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2202537	Trương Quyền Huynh	16/02/2004		Hóa học	
33	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2202548	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/08/2003	N	Hóa học	
34	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2202554	Nguyễn Thị Ngọc Quyền	01/11/2004	N	Hóa học	
35	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2103375	Võ Thị Huyền My	08/10/2002	N	Sinh học	
36	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2109939	Võ Vy Anh	18/08/2003	N	Sinh học	
37	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2109977	Đỗ Việt Phát	08/11/2003		Sinh học	
38	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203404	Lâm Yến Ngọc	02/09/2003	N	Sinh học	
39	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203417	Lê Lý Hồng Thương	03/09/2004	N	Sinh học	
40	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2202161	Huỳnh Ngọc Gia Hân	02/09/2003	N	Thống kê	
41	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203748	Lê Thị Tuyết Anh	05/12/2004	N	Thống kê	
42	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203750	Võ Nguyễn Khả Ái	08/04/2004	N	Thống kê	
43	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203752	Nguyễn Thị Kim Chi	05/03/2004	N	Thống kê	
44	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203754	Lưu Thị Mỹ Duyên	12/02/2004	N	Thống kê	
45	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203763	Trương Hoàng Phương Lam	14/06/2004	N	Thống kê	
46	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203766	Cao Huỳnh My	19/05/2004	N	Thống kê	
47	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203767	Lê Thảo Ngân	19/07/2004	N	Thống kê	
48	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203768	Nguyễn Thị Thanh Ngân	19/12/2004	N	Thống kê	
49	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203773	Thái Trần Ý Nhi	21/10/2004	N	Thống kê	
50	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203774	Phạm Quỳnh Như	03/09/2004	N	Thống kê	
51	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203776	Trần Thị Như Phụng	06/04/2003	N	Thống kê	
52	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203787	Phạm Hoàng Tiến	14/03/2004		Thống kê	
53	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203791	Huỳnh Thị Thanh Trúc	21/02/2004	N	Thống kê	
54	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203796	Nguyễn Khánh Vy	26/12/2004	N	Thống kê	
55	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203798	Nguyễn Thị Như Ý	14/11/2004	N	Thống kê	
56	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203806	Nguyễn Mỹ Diễm	24/06/2004	N	Thống kê	
57	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203808	Nguyễn Chúc Giàu	20/05/2004	N	Thống kê	
58	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203811	Trương Mỹ Hoa	02/09/2004	N	Thống kê	
59	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203812	Châu Hoàng Khang	04/05/2003		Thống kê	
60	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203813	Trần Vĩ Khang	29/11/2003		Thống kê	
61	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203816	Phạm Hoàng Trúc Linh	09/07/2004	N	Thống kê	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
62	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203818	Trần Bạch Mai	18/11/2004	N	Thống kê	
63	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203820	Mai Ngọc Ngân	01/12/2004	N	Thống kê	
64	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203831	Ngô Thị Như Quỳnh	12/10/2004	N	Thống kê	
65	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203833	Nguyễn Thị Thảo Sương	29/12/2004	N	Thống kê	
66	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203836	Nguyễn Hoàng Thịnh	21/06/2003		Thống kê	
67	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203837	Nguyễn Thị Mộng Thúy	26/07/2002	N	Thống kê	
68	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203838	Nguyễn Minh Thư	03/10/2004	N	Thống kê	
69	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203848	Lê Huỳnh Lan Vy	22/09/2004	N	Thống kê	
70	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203851	Phạm Như Ý	25/10/2004	N	Thống kê	
71	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B1906035	Phạm Ngọc Lan Anh	19/06/2001	N	Toán ứng dụng	
72	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2011790	Nguyễn Thanh Duy	27/05/2002		Toán ứng dụng	
73	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203206	Nguyễn Thị Kim Anh	16/05/2004	N	Toán ứng dụng	
74	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203207	Lê Duyên Ái	25/07/2003	N	Toán ứng dụng	
75	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203211	Huỳnh Minh Đăng	09/09/2004		Toán ứng dụng	
76	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203212	Nguyễn Hữu Giang	06/03/2003		Toán ứng dụng	
77	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203216	Tôn Tuấn Khôi	22/09/2004		Toán ứng dụng	
78	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203217	Nguyễn Văn Kiện	14/05/2004		Toán ứng dụng	
79	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203218	Trần Dương Hồng Lam	23/08/2004	N	Toán ứng dụng	
80	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203219	Phạm Phương Linh	21/11/2004	N	Toán ứng dụng	
81	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203221	Võ Thị Trúc My	27/04/2004	N	Toán ứng dụng	
82	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203222	Huỳnh Thị Kim Ngân	15/09/2004	N	Toán ứng dụng	
83	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203224	Dương Thị Kim Nhân	09/08/2004	N	Toán ứng dụng	
84	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203226	Hồ Huỳnh Nhi	28/09/2004	N	Toán ứng dụng	
85	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203227	Nguyễn Tuyết Nhi	09/12/2004	N	Toán ứng dụng	
86	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203228	Trương Thị Hồng Nhung	21/12/2004	N	Toán ứng dụng	
87	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203233	Phan Ngọc Quý	19/02/2004		Toán ứng dụng	
88	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203234	Nguyễn Nhật Tân	05/05/2004		Toán ứng dụng	
89	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203235	Đỗ Thanh Thanh	10/09/2004	N	Toán ứng dụng	
90	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203236	Phạm Thanh Thảo	12/06/2004	N	Toán ứng dụng	
91	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203239	Bùi Ngọc Anh Thư	16/12/2004	N	Toán ứng dụng	
92	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203241	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	10/12/2004	N	Toán ứng dụng	
93	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203242	Nguyễn Quỳnh Băng Trinh	22/04/2004	N	Toán ứng dụng	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
94	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203244	Thạch Thị Thanh Trúc	24/04/2004	N	Toán ứng dụng	
95	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203245	Tô Cẩm Tú	09/06/2004	N	Toán ứng dụng	
96	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203247	Đinh Thị Thúy Vy	08/12/2004	N	Toán ứng dụng	
97	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203249	Trần Thị Như Ý	26/09/2004	N	Toán ứng dụng	
98	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203252	Hà Ngọc Bích	09/03/2004	N	Toán ứng dụng	
99	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203254	Nguyễn Thành Đạt	31/08/2004		Toán ứng dụng	
100	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203255	Võ Khoa Đăng	24/02/2004		Toán ứng dụng	
101	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203256	Lê Hải Hào	28/10/2004		Toán ứng dụng	
102	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203257	Nguyễn Tấn Hậu	14/05/2004		Toán ứng dụng	
103	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203260	Lê Huỳnh Trung Kiên	03/12/2004		Toán ứng dụng	
104	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203261	Phạm Gia Kỳ	09/07/2004		Toán ứng dụng	
105	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203263	Bùi Thị Huỳnh Mi	20/02/2004	N	Toán ứng dụng	
106	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203264	Dư Nguyễn Diễm My	03/09/2004	N	Toán ứng dụng	
107	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203267	Châu Thanh Nguyên	13/01/2004	N	Toán ứng dụng	
108	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203269	Bành Lê Yến Nhi	20/12/2004	N	Toán ứng dụng	
109	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203270	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2004	N	Toán ứng dụng	
110	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203272	Bùi Nguyễn Huỳnh Như	07/03/2004	N	Toán ứng dụng	
111	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203275	Nguyễn Mai Phương	01/02/2004	N	Toán ứng dụng	
112	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203277	Nguyễn Nhật Quỳnh	23/10/2004	N	Toán ứng dụng	
113	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203278	Trần Duy Tân	07/12/2004		Toán ứng dụng	
114	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203279	Hoàng Minh Thành	18/10/2004		Toán ứng dụng	
115	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203280	Trần Nguyễn Ngọc Thảo	14/10/2004	N	Toán ứng dụng	
116	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203281	Nguyễn Văn Thoại	21/10/2004		Toán ứng dụng	
117	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203283	Trần Thị Ngọc Thư	16/07/2004	N	Toán ứng dụng	
118	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203288	Trần Minh Trường	17/05/2004		Toán ứng dụng	
119	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2203291	Trương Thị Mỹ Xuyên	04/03/2004	N	Toán ứng dụng	
120	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2104872	Trần Đại Phước	24/12/2003		Vật lý kỹ thuật	
121	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2110989	Hứa Gia Đăng	22/12/2003		Vật lý kỹ thuật	
122	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2110996	Hà Học Hiếu	27/11/2002		Vật lý kỹ thuật	
123	KH	225/QĐ-ĐHCT	20/01/2026	B2111025	Trần Thanh Thái	24/03/2003		Vật lý kỹ thuật	